

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 03 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí

2. Ông Trương Phước Công

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông V V K, sinh năm 1990; địa chỉ: số 414B, ấp AL B, xã ĐY, huyện LV, tỉnh ĐT; (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Bà Đ T L, sinh năm 1996; địa chỉ: số 183 ấp AT, xã HA, huyện CM, tỉnh AG; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn ông V V K trình bày:

Ông V V K và bà Đ T L đi đến hôn nhân vào năm 2015, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, gia đình đã hàn gắn. Tuy nhiên, vợ chồng thường xuyên bất hòa ý kiến nên cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, ông V V K yêu cầu được ly hôn với bà Đ T L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên V T G, sinh ngày 29/01/2016, khi ly hôn ông K đồng ý giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đ T L trình bày:

Bà L với ông V V K kết hôn vào năm 2015, hôn nhân tự tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay, theo yêu cầu ly hôn của ông K thì bà L thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên V T G, sinh ngày 29/01/2016, khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: 01 chiếc xe mô tô loại Future 66V1.32857 có giá 32.000.000 đồng, 01 xe honda mua của người khác chưa sang tên có giá 4.000.000 đồng; 03 cây vàng 24 kara vàng cưới (nhẫn, khâu, dây chuyền); 02 dây hui 03 triệu với 24 hui viên đã đóng được $\frac{1}{2}$, bà L là hui viên, chủ hui bà Trần Ngọc Nguyên; 01 tủ quần áo loại gỗ có giá 10.000.000 đồng; 01 máy may laxico có giá khoảng 5.000.000 đồng, tài sản trên do ông K đang quản lý và sử dụng, khi ly hôn yêu cầu ông K chia đôi tài sản chung như nêu trên.

Tại phiên tòa, ông V V K vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022 cho đến khi con trưởng thành.

Bà Đ T L vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông V V K và bà Đ T L tự quen biết và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 15/10/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ

chồng chung sống được 06 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau nên hây cự cãi. Bà L về nhà cha mẹ ruột tại xã Hội An sinh sống từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông K yêu cầu ly hôn với bà L.

Tại phiên hòa giải, bà L đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên cũng là cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa ông K, bà L không đạt và cả hai không còn tình cảm với nhau nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K đối với bà L.

Về con chung: Có 01 con chung V T G, sinh ngày 29/01/2016, ông K thống nhất giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận

Về tài sản chung gồm: 01 chiếc xe mô tô loại Future 66V1.32857 có giá 32.000.000 đồng, 01 xe honda mua của người khác chưa sang tên có giá 4.000.000 đồng; 03 cây vàng 24 kara vàng cưới (nhẫn, khâu, dây chuyền); 02 dây hui 03 triệu với 24 hui viên đã đóng được $\frac{1}{2}$ chủ hui bà Trần Ngọc Nguyên; 01 tủ quần áo loại gỗ có giá 10.000.000 đồng; 01 máy may laxico có giá khoảng 5.000.000 đồng, bà L yêu cầu chia đôi tài sản.

Đối với yêu cầu chia tài sản của bà L, do bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên giành quyền khởi kiện cho bà L trong vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V V K đối với bà Đ T L.

Bà Đ T L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung V T G, sinh ngày 29/01/2016, ông V V K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con V T G, sinh ngày 29/01/2016, với mức 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Gấm trưởng thành và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông V V K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ T L, về con chung ông K đồng ý giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đ T L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp AT, xã HA, huyện CM, tỉnh AG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bà Đ T L vắng mặt không lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ T L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông V V K và bà Đ T L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, ông K cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2021 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà L mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và tại phiên hòa giải ông K và bà L thống nhất ly hôn, việc ông K, bà L thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V V K và bà Đ T L theo Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên V T G, sinh ngày 29/01/2016, ông K thống nhất giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, tại phiên tòa ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022 cho đến khi con trưởng thành, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Theo lời trình bày của ông K cho rằng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với lời trình bày của bà Đ T L cho rằng trong quá trình sống chung có tài sản chung gồm: 01 chiếc xe mô tô Future 66V1.32857, có giá 32.000.000 đồng, 01 xe honda mua chưa sang tên có giá 4.000.000 đồng; 03 cây vàng 24 kara vàng cưới (nhẫn, khâu, dây chuyền); trong quá trình sống chung có tham gia 02 dây hụi 03 triệu với 24 hụi viên, bà L đã châu được ½, chủ hụi bà Trần Ngọc Nguyên; 01 tủ quần áo loại gỗ có giá 10.000.000 đồng; 01 máy may laxico có giá khoảng 5.000.000 đồng, tài sản trên do ông K đang quản lý, sử dụng, bà L yêu cầu chia đôi tài sản.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo cho bà L cung cấp các tài liệu chứng cứ kèm theo cho yêu cầu của mình nhưng bà không cung cấp,

cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà trong vụ án này, nên giành quyền khởi kiện cho bà Đ T L trong vụ án dân sự khác là phù hợp.

- Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông V V K được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V V K và bà Đ T L. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 006/2015, quyển I/2015 ngày 15 tháng 01 năm 2015 do Ủy ban nhân dân xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông V V K và bà Đ T L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Đ T L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên V T G, sinh ngày 29/01/2016, ông V V K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022 cho đến khi con trưởng thành.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra giải quyết

4. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông V V K phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0009939, ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông V V K phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu